

KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH
GẮN VỚI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG “2 CON SỐ”
(Kèm theo Quyết định số 2338 /QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kịch bản phát triển ngành du lịch gắn với mục tiêu tăng trưởng “2 con số” với những nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ và triển khai thực hiện hiệu quả nội dung tại Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ; bảo đảm đóng góp của ngành du lịch vào mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đồng thời, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển du lịch tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới.

- Cập nhật kịch bản tăng trưởng khách du lịch quốc tế, khách du lịch nội địa và tổng thu từ du lịch năm 2026 theo từng quý, làm cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách trọng tâm, có tính đột phá nhằm thúc đẩy tăng trưởng du lịch nhanh, bền vững trong các quý còn lại của năm 2026, đồng thời đặt nền móng cho giai đoạn phát triển 2027 - 2030.

- Phân định rõ các nhóm nhiệm vụ theo ba cấp độ thời gian: (i) nhiệm vụ, giải pháp ứng phó trước mắt nhằm duy trì đà tăng trưởng và phấn đấu hoàn thành mục tiêu 25 - 27 triệu lượt khách quốc tế năm 2026; (ii) nhiệm vụ, giải pháp trung hạn nhằm ổn định đà tăng trưởng, đặt nền móng cho giai đoạn phát triển bền vững 2027 - 2030; (iii) nhiệm vụ, giải pháp dài hạn nhằm duy trì liên tục, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng hai con số của ngành du lịch trong cả giai đoạn 2026 - 2030.

2. Yêu cầu

- Bám sát các quan điểm, mục tiêu điều hành tại Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; các Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 25/2026/QH16, Nghị quyết số 244/2025/QH15; Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ; gắn kết chặt chẽ với Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 82/NQ-CP và Chỉ thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 và Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đánh giá khách quan, toàn diện cơ hội, thách thức, động lực và dư địa tăng trưởng trong bối cảnh xung đột tại Trung Đông tác động đến giá dầu, chi phí vận tải hàng không và một số tuyến bay quốc tế; cạnh tranh thu hút khách ngày càng gay gắt giữa các quốc gia Đông Nam Á; đồng thời chủ động khai thác cơ hội từ hiệu ứng “điểm đến thay thế” khi dòng khách quốc tế dịch chuyển sang các điểm đến an toàn tại châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

- Xác định rõ nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời hạn hoàn thành và sản phẩm đầu ra của từng nhiệm vụ, giải pháp làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hàng quý; gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng được giao theo đúng tinh thần Nghị quyết số 168/NQ-CP; các địa phương đã hoàn thành mục tiêu 6 tháng đầu năm tiếp tục phấn đấu đạt mức cao hơn, các địa phương chưa hoàn thành phải quyết tâm hoàn thành.

- Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, đổi mới tư duy, cách làm của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, không để chậm tiến độ, ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng chung của cả nước.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2027 - 2030

1. Kịch bản năm 2026

Năm 2026, ngành Du lịch đặt mục tiêu đón khoảng 25 - 27 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 150 - 153 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu từ du lịch đạt khoảng 1.125 - 1.230 nghìn tỷ đồng, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên. Trên cơ sở đó, dự kiến hai kịch bản tăng trưởng như sau:

a) Kịch bản cao

Trong điều kiện ngành du lịch tiếp tục giữ đà tăng trưởng tốt từ đầu năm, các tác động của xung đột Trung Đông sớm được giải quyết. Để đạt được kịch bản

này, cần tập trung mạnh mẽ thu hút thị trường Trung Quốc, lấy lại tỷ trọng thị trường như giai đoạn trước đại dịch COVID-19; duy trì đà tăng trưởng thị trường Hàn Quốc, Ấn Độ; thúc đẩy tăng trưởng mạnh thị trường khách Nga; duy trì tốc độ tăng trưởng các thị trường xa (Tây Âu, Bắc Mỹ); khai thác lợi thế thị trường gần Đông Nam Á qua đường không, đường bộ, đường biển; có giải pháp duy trì tăng trưởng khách trong các mùa thấp điểm quốc tế (Quý II, III).

Bảng 1: Kịch bản cao - các chỉ tiêu khách du lịch năm 2026

Đơn vị: nghìn lượt

Chỉ tiêu	Khách du lịch quốc tế	So cùng kỳ 2025	Khách du lịch nội địa	So cùng kỳ 2025
Tháng 9	2.148	131%	14.000	100%
Quý III	5.748	120%	47.000	113%
Tháng 10	3.000	124%	7.000	117%
Tháng 11	3.000	121%	8.000	127%
Tháng 12	3.000	124%	10.000	154%
Quý IV	9.000	157%	25.000	139%
Cả năm	27.000	128%	153.000	112%

b) Kịch bản thấp

Áp dụng trong trường hợp các điều kiện không thuận lợi, tác động từ xung đột chính trị tiếp tục ảnh hưởng đến các dòng khách, kết nối hàng không bị gián đoạn, giá dầu neo cao kéo theo tác động kéo dài cả với khách quốc tế và nội địa. Với kịch bản này, cần tập trung vào thị trường khách gần Đông Bắc Á và Đông Nam Á; triển khai giải pháp thu hút đặc biệt để thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc vẫn là động lực tăng trưởng; duy trì biện pháp xúc tiến, định vị thương hiệu du lịch Việt Nam an toàn, thân thiện, sản phẩm chất lượng, giá cả cạnh tranh để nhanh chóng khôi phục đà tăng trưởng ở các thị trường nguồn (Tây Âu, Bắc Mỹ, Nga, Ấn Độ).

Bảng 2: Kịch bản thấp - các chỉ tiêu khách du lịch năm 2026

Đơn vị: nghìn lượt

Chỉ tiêu	Khách du lịch quốc tế	So cùng kỳ 2025	Khách du lịch nội địa	So cùng kỳ 2025
Tháng 9	1.850	121%	13.000	100%
Quý III	4.950	104%	44.000	106%
Tháng 10	1.850	107%	7.000	117%
Tháng 11	1.900	96%	7.000	127%
Tháng 12	2.248	111%	9.000	138%
Quý IV	5.998	105%	23.000	128%
Cả năm	23.200	110%	148.000	108%

Cả hai kịch bản trên chưa tính đến các yếu tố bất lợi, bất thường của thời tiết, dịch bệnh... Bên cạnh đó, còn một yếu tố nội tại là không sử dụng được kinh phí từ Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch để triển khai các hoạt động trong Kế hoạch xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch năm 2026 mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã công bố từ đầu năm; cần khẩn trương tháo gỡ để bảo đảm điều kiện thực hiện kịch bản cao.

3. Chỉ tiêu cho các địa phương trọng điểm du lịch

11 địa phương trọng điểm du lịch (bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Ninh Bình, Huế, An Giang, Lào Cai, Hải Phòng, Lâm Đồng) được giao chỉ tiêu tăng trưởng khách du lịch quốc tế năm 2026 tăng từ 26,6% đến 36,3% so với năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo), là cơ sở để các địa phương cập nhật kịch bản tăng trưởng GRDP theo Phụ lục II, III Nghị quyết số 168/NQ-CP. Các địa phương còn lại cần tận dụng lợi thế về tài nguyên, hạ tầng và khả năng thu hút khách của địa phương cần xây dựng kịch bản tăng trưởng đột phá, phấn đấu đạt mức tăng trưởng khách du lịch quốc tế, khách nội địa và tổng thu từ du lịch khoảng 25 - 35% so với năm 2025.

4. Định hướng kịch bản tăng trưởng giai đoạn 2027 - 2030

Giai đoạn 2027 - 2030, ngành Du lịch bám sát mục tiêu cụ thể đến năm 2030 tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị: đóng góp trực tiếp từ 10 - 12% GDP, giữ vững vị thế nhóm đầu khu vực Đông Nam Á về quy mô và tốc độ tăng trưởng; phấn đấu đón 45 - 50 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 160 triệu lượt khách nội địa đặt trọng tâm vào thị trường khách chi tiêu cao, lưu trú dài ngày; tổng thu từ khách du lịch đạt 80 - 90 tỉ USD. Trên cơ sở đó, dự kiến 03 kịch bản tăng trưởng như sau: Kịch bản thấp: khách quốc tế tăng 8 - 10%/năm, đến năm 2030 đạt khoảng 35 - 38 triệu lượt; khách nội địa tăng trưởng ổn định, đạt khoảng 155 triệu lượt. Kịch bản trung bình: khách quốc tế tăng 12 - 15%/năm, đến năm 2030 đạt khoảng 40 - 45 triệu lượt; khách nội địa đạt khoảng 158 triệu lượt. Kịch bản cao: khách quốc tế tăng 15 - 18%/năm, phấn đấu đến năm 2030 đạt 45 - 50 triệu lượt; khách nội địa phục vụ khoảng 160 triệu lượt, tập trung vào phân khúc khách chi tiêu cao, lưu trú dài ngày; tổng thu từ khách du lịch đạt 80 - 90 tỉ USD, đóng góp trực tiếp từ 10 - 12% GDP.

Bảng 3: Kịch bản tăng trưởng chỉ tiêu khách du lịch quốc tế giai đoạn 2027 - 2030

Đơn vị: nghìn lượt

	<i>Tỷ lệ tăng trưởng</i>	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Kịch bản thấp	<i>8-10%</i>	27.500	30.500	34.000	38.000
Kịch bản trung bình	<i>12-15%</i>	28.000	33.000	38.500	45.000
Kịch bản cao	<i>15-18%</i>	30.000	35.500	42.000	50.000

Việc hoàn thành mục tiêu 25 - 27 triệu lượt khách quốc tế năm 2026 là tiền đề quyết định để thực hiện kịch bản trung bình và kịch bản cao, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 tại Nghị quyết số 26-NQ/TW.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ về sản xuất, dịch vụ, thúc đẩy tiêu dùng và phát triển du lịch được giao tại Mục II.4.c Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ và cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển du lịch tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất 03 nhóm nhiệm vụ, giải pháp như sau:

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp ứng phó trước mắt (năm 2026) - duy trì tăng trưởng, phấn đấu hoàn thành mục tiêu 25 - 27 triệu lượt khách quốc tế

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển du lịch: hoàn thiện sửa đổi, bổ sung Luật Du lịch năm 2017 và hệ thống pháp luật liên quan theo hướng kiến tạo phát triển; sửa đổi Quyết định số 49/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 82/NQ-CP và Chỉ thị số 08/CT-TTg về phát triển du lịch nhanh, toàn diện và bền vững.

b) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách đột phá của Nghị quyết làm cơ sở thúc đẩy phát triển du lịch trong thời gian tới.

c) Rà soát, đề xuất các chính sách giảm tác động của xung đột Trung Đông, thúc đẩy phát triển du lịch: nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách thị thực (mở rộng miễn thị thực đơn phương, thị thực tại cửa khẩu, thị thực quá cảnh ít nhất 72 giờ, xử lý thị thực điện tử trong 24 giờ); Đẩy mạnh đàm phán, ký kết, mở rộng các hiệp định hàng không "Bầu trời mở" (Open Skies) để tăng cường năng lực tiếp cận quốc tế, hỗ trợ phát triển đường bay trực tiếp đến các thị trường trọng điểm, giảm thiểu rủi ro gián đoạn kết nối hàng không do tác động của xung đột Trung Đông và biến động giá dầu;

d) Thay đổi cơ chế quản lý các dịch vụ phục vụ du lịch như du lịch đêm, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch chữa bệnh, du lịch mua sắm...; xây dựng, triển khai chương trình kích cầu du lịch quốc gia; thành lập các văn phòng xúc tiến du lịch Việt Nam tại nước ngoài; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục cho khách tham

dự hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

đ) Đẩy mạnh xúc tiến quảng bá, cơ cấu lại thị trường khách quốc tế theo hướng thích ứng linh hoạt: đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí triển khai hoạt động xúc tiến du lịch quốc gia; tập trung khai thác hiệu quả các thị trường gần, khả năng phục hồi nhanh, quy mô lớn (Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Ấn Độ, châu Á - Thái Bình Dương) nhằm bù đắp sự sụt giảm từ các thị trường xa; triển khai đồng bộ các hoạt động trong khuôn khổ Năm Du lịch quốc gia 2026.

e) Thực hiện các hoạt động kích cầu du lịch nội địa, lấy thị trường nội địa làm động lực tăng trưởng: xây dựng các gói kích cầu nội địa với sản phẩm ngắn ngày, chi phí hợp lý, linh hoạt, thu hút lượng khách có nhu cầu đi nước ngoài chuyển hướng về các điểm đến, sản phẩm, dịch vụ cao cấp trong nước.

g) Tăng cường công tác truyền thông và nâng cao hình ảnh điểm đến: định hướng thông tin truyền thông chủ động, kịp thời, minh bạch nhằm ổn định tâm lý du khách, doanh nghiệp; đẩy mạnh truyền thông quốc tế trên nền tảng số, mạng xã hội nhằm quảng bá hình ảnh "Việt Nam - điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn"; phối hợp với cơ quan ngoại giao, hãng hàng không, doanh nghiệp du lịch và các nền tảng truyền thông quốc tế.

h) Định hướng phát triển sản phẩm du lịch phù hợp xu hướng: ưu tiên phát triển các dòng sản phẩm du lịch nội địa, ngắn ngày, MICE, nghỉ dưỡng cao cấp, chăm sóc sức khỏe, trải nghiệm văn hóa - bản địa, mở rộng sản phẩm du lịch đêm.

i) Nâng cao hiệu quả tổ chức Năm Du lịch quốc gia 2026: đổi mới phương thức tổ chức theo hướng thực chất, trọng tâm, trọng điểm; tăng cường liên kết giữa các địa phương, vùng du lịch và doanh nghiệp để hình thành chuỗi sự kiện, sản phẩm, chương trình kích cầu có sức lan tỏa cao.

k) Triển khai kịp thời các chủ trương, thỏa thuận và nhận thức chung đạt được giữa Lãnh đạo cấp cao Việt Nam với các nước đối tác trong lĩnh vực du lịch, trọng tâm là các hoạt động trong khuôn khổ Năm hợp tác Du lịch Việt Nam - Trung Quốc 2026 - 2027, góp phần cụ thể hóa kết quả đối ngoại cấp cao, thúc đẩy trao đổi khách du lịch và tăng cường hợp tác thực chất giữa Việt Nam với các đối tác.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trung hạn - ổn định đà tăng trưởng, đặt nền móng cho giai đoạn phát triển bền vững 2027 – 2030

a) Phát triển sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ: xây dựng đề án phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao gắn với bản sắc văn hóa vùng miền; tổ chức các sự kiện liên hoan ẩm thực, hội thi hướng dẫn viên du lịch, hội thi nghề; phát triển sản phẩm du lịch mới (du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe, du lịch tái tạo, du lịch gắn với di sản, sản phẩm OCOP); Đề xuất xây dựng Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia.

b) Phát triển sản phẩm du lịch y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao tại các địa bàn trọng điểm (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phú Quốc); nghiên cứu cơ chế riêng về thị thực, cấp phép dịch vụ, liên kết cơ sở y tế - nghỉ dưỡng, bảo hiểm, thanh toán và tiêu chuẩn chất lượng để nâng cao sức cạnh tranh quốc tế của sản phẩm này. Xây dựng, ban hành và triển khai các đề án phát triển dòng sản phẩm trọng tâm, lợi thế cao: Đề án du lịch mạo hiểm, Đề án du lịch ẩm thực, Chiến lược phát triển du lịch Halal, Đề án phát triển du lịch Golf, Chiến lược phát triển du lịch MICE.

c) Ổn định, định hình rõ cơ cấu thị trường, tập trung xúc tiến quảng bá theo thị trường mục tiêu: tổ chức, tham gia các hội chợ du lịch quốc tế lớn (FITUR Madrid, ITB Berlin, WTM London, CITM Trung Quốc, hội chợ du lịch Đài Loan, Lễ hội du lịch - văn hóa Việt Nam tại Nhật Bản, chương trình giới thiệu du lịch Việt Nam tại Hàn Quốc).

d) Tăng cường hợp tác quốc tế về du lịch: duy trì, làm sâu sắc các cơ chế hợp tác đã thiết lập (Campuchia, Singapore, Nhật Bản, Đài Loan); phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác song phương, đa phương về du lịch, tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển và cơ quan xúc tiến du lịch nước ngoài để huy động nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế; mở rộng hợp tác với các thị trường trọng điểm, tiềm năng; duy trì quan hệ với các tập đoàn công nghệ, dữ liệu du lịch quốc tế (Google, Agoda, Amadeus, Traveloka, Mastercard, Visa, VFS...); đăng cai các hội nghị, hội chợ du lịch quốc tế lớn tại Việt Nam.

đ) Thúc đẩy chuyển đổi số, hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh đồng bộ, thống nhất: ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác xúc tiến, quảng bá và phân tích thị trường; khai thác dữ liệu lớn (Big Data) về khách du lịch phục vụ công tác quản lý và dự báo xu hướng thị trường; xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo biến động thị trường theo thời gian thực để hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành; triển khai các nền tảng số dùng chung (ứng dụng Quản trị và kinh doanh du lịch, ứng dụng Du lịch Việt Nam - Vietnam Travel, hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành du lịch); phát triển nền tảng dữ liệu dùng chung của ngành du lịch, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý du lịch Trung ương, địa phương, điểm đến, doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh của ngành.

e) Hoàn thiện hệ thống thống kê du lịch: phối hợp với Cục Thống kê áp dụng Tài khoản vệ tinh du lịch để tính toán, công bố số liệu, đánh giá đầy đủ đóng góp của du lịch trong nền kinh tế.

g) Nâng cao chất lượng tăng trưởng của ngành du lịch: triển khai các giải pháp nâng cao mức chi tiêu bình quân và thời gian lưu trú của khách du lịch; tăng tỷ lệ khách quốc tế quay trở lại Việt Nam; phát triển các phân khúc khách có khả năng chi tiêu cao, lưu trú dài ngày; có giải pháp giảm tính mùa vụ, đa dạng hóa thị trường và sản phẩm du lịch nhằm nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng và tính bền vững của tăng trưởng.

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp dài hạn - duy trì liên tục, bảo đảm mục tiêu giai đoạn 2027 - 2030

a) Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và trách nhiệm lãnh đạo phát triển du lịch theo hướng quản trị hệ sinh thái, phát triển chất lượng, hiệu quả, bền vững; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu, công nghệ số trong quản lý, điều hành.

b) Hoàn thiện thể chế, chính sách: nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội đối với khu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quy mô lớn, trung tâm du lịch - giải trí - thương mại hoạt động 24/7; rà soát, hoàn thiện chính sách giá điện, ưu đãi đất đai, thuế tiêu thụ đặc biệt, hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng tại các điểm mua sắm, sân bay, cảng biển.

c) Phát triển hạ tầng, hình thành các trung tâm du lịch có sức cạnh tranh cao: phát triển các cực tăng trưởng Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; phát triển Phú Quốc thành trung tâm nghỉ dưỡng biển cao cấp; hoàn thiện hệ thống hạ tầng cảng biển du lịch, cửa ngõ quốc tế, hành lang du lịch liên vùng, ga đường sắt du lịch, trung tâm hội nghị - triển lãm.

d) Phát triển sản phẩm và cơ cấu thị trường: thu hút phân khúc khách quốc tế chi tiêu cao, lưu trú dài ngày; mở rộng thị trường MICE, chăm sóc sức khỏe, golf, thể thao, du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với OCOP; gắn phát triển du lịch với công nghiệp văn hóa, điện ảnh, âm nhạc, ẩm thực, kinh tế di sản.

đ) Xúc tiến, quảng bá du lịch, nâng tầm thương hiệu du lịch Việt Nam: xây dựng quy định khung về Văn phòng xúc tiến du lịch Việt Nam ở nước ngoài; triển khai chiến dịch xúc tiến quy mô lớn, dài hạn; thu hút các đoàn làm phim, nhà sản xuất nội dung quốc tế quảng bá điểm đến Việt Nam.

e) Chủ động đăng cai các hội nghị, sự kiện quy mô khu vực, quốc tế lớn về kinh tế, âm nhạc, điện ảnh, thể thao, văn hóa nhằm thu hút khách du lịch, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch, nâng cao vị thế của Việt Nam; xây dựng cơ chế hợp tác công - tư để xúc tiến đưa các sự kiện thể thao, nghệ thuật lớn về các trung tâm thể thao, triển lãm trong nước.

g) Chuyển đổi số và tăng trưởng xanh: thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, marketing, trải nghiệm khách du lịch; phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, giảm phát thải; xây dựng các Trung tâm điều hành du lịch thông minh tại địa phương trọng điểm.

h) Huy động nguồn lực, phát triển doanh nghiệp và nguồn nhân lực: xây dựng cơ chế kết nối chuỗi giá trị du lịch (lữ hành, vận chuyển, lưu trú, thương mại, tài chính, công nghệ); thành lập, vận hành Hội đồng kỹ năng nghề du lịch quốc gia; phát huy vai trò doanh nghiệp là lực lượng nòng cốt và cộng đồng dân cư trong bảo tồn tài nguyên, phát triển du lịch cộng đồng.

i) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý điểm đến: tăng cường kiểm soát chất lượng dịch vụ, an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ trong quản lý

sức chứa, phân luồng khách, kiểm soát quá tải cục bộ; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, cơ chế ứng phó khủng hoảng du lịch.

4. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện

Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng hằng quý; chủ động cập nhật kịch bản, kiến nghị giải pháp khi tốc độ tăng trưởng khách du lịch, tổng thu từ du lịch thấp hơn kịch bản đề ra; báo cáo Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ theo quy định tại Nghị quyết số 168/NQ-CP.

5. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn thực hiện: năm 2026 - 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam chủ trì tiếp nhận và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các địa phương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; theo dõi sát kết quả đón khách du lịch quốc tế, khách du lịch nội địa và tổng thu từ du lịch hằng tháng; định kỳ hằng quý (trước ngày 25 của tháng cuối quý) tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, đồng thời gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng cuối cùng trong quý theo quy định tại Nghị quyết số 168/NQ-CP.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính:

a) Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí hàng năm nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Phối hợp với Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam thực hiện nhiệm vụ về thống kê du lịch; làm việc với Cục Thống kê (Bộ Tài chính) trong việc áp dụng Tài khoản vệ tinh du lịch để tính toán, công bố số liệu, đánh giá đầy đủ đóng góp của du lịch trong nền kinh tế, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và báo cáo kịch bản tăng trưởng hằng quý.

3. Cục Hợp tác quốc tế phối hợp với Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tại điểm đ khoản 3 Mục III Kịch bản này về xúc tiến, quảng bá, nâng tầm thương hiệu du lịch Việt Nam ở nước ngoài; lồng ghép quảng bá du lịch trong các hoạt động ngoại giao văn hóa, sự kiện đối ngoại của Bộ; kết nối với các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế (UN Tourism, PATA, ASEAN) trong việc đăng cai, tổ chức các hội nghị, hội chợ, sự kiện du lịch quốc tế lớn tại Việt Nam; phát huy vai trò công tác đối ngoại và ngoại giao văn hóa trong xúc tiến, quảng bá du lịch, lồng ghép quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch Việt Nam trong các hoạt động đối ngoại cấp cao, các chương trình văn hóa đối ngoại, Tuần/Ngày Việt Nam ở nước ngoài, các kỳ triển lãm World EXPO, hội chợ, triển lãm và diễn đàn quốc tế.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đặc biệt là 11 địa phương trọng điểm du lịch, chủ động rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng khách du lịch gắn với kịch bản tăng trưởng GRDP được giao tại Phụ lục II, III Nghị quyết số 168/NQ-CP; xây dựng giải pháp đột phá, đòn lực cho các quý còn lại, phần đầu hoàn thành chỉ tiêu được giao; báo cáo định kỳ hàng quý về Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam để tổng hợp.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.



